

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: **20/2018/DS-PT**

Ngày 18-01-2018

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Tăng Thị Thúy Nga**

Các Thẩm phán:

Ông **Huỳnh Đức Khải**

Ông **Nguyễn Văn Dũ**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Vinh**

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Trần Văn Nghiệp** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2017/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 66/2017/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 253/2017/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Tô Văn P**, sinh năm 1969, cư trú tại số 141/1 ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Huỳnh Ánh T- Luật sư của Văn phòng luật sư Huỳnh Ánh T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Hồ Văn G**, sinh năm 1951, cư trú tại số 154/1 ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn: ông **Hồ Văn V**, sinh năm 1991, cư trú tại ấp C1, xã B1, huyện A1, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 04/12/2017) **(có mặt)**

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn: Ông **Trần Việt H**- Luật sư của Văn phòng luật sư Việt H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Hồ Thị Mỹ A**, sinh năm 1982 (vắng mặt).

2. Ông **Lê Văn V**, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại số 154/1 ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

3. Ông **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1969, cư trú tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Tô Văn P là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 01/02/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Tô Văn P trình bày:

Ông có sử dụng thửa đất số 110, tờ bản đồ 03, diện tích 15.341m², loại đất LUA, tọa lạc ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng, đã được UBND huyện A cấp Giấy CNQSD đất số BK 56986. Hiện nay, hộ ông Hồ Văn G sử dụng đất liền kề đã lấn chiếm qua thửa 110 của ông phần đất (cống thoát nước) có diện tích 135,5m² (theo Biên bản thẩm định và Biên bản định giá ngày 05/4/2016). Ông biết ông Nguyễn Văn G đã đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa 109 khi có phát sinh tranh chấp từ ông Ngh – địa chính UBND xã B. Ông Ngh có nói với ông là đã gọi thủ tục về việc ông G đăng ký thửa đất này không đúng để Văn phòng đăng ký đất đai tạm ngưng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông G. Từ trước đến nay ông G chưa từng sử dụng phần đất nào thuộc thửa 109 mà ông và ông G đang tranh chấp. Nay ông P yêu cầu ông G trả lại phần đất lấn chiếm (cống thoát nước) có diện tích 135,5m² nêu trên.

Bị đơn ông Hồ Văn G và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hồ Văn V ở giai đoạn sơ thẩm trình bày:

Ông G được ông Tô Văn H cho thửa đất 109, giáp với thửa 110 của ông H, sau khi ông H cho đất thì ông G đào đường nước giáp với ông T để dẫn nước lên ruộng, vì ông còn một phần đất nằm phía trong ruộng của ông H, ông và ông H sử dụng chung từ năm 1976 cho đến khi ông H chết không có ai tranh chấp, sau khi ông H chết thì ông và ông P cũng sử dụng chung đường nước này cho đến nay.

Khi đoàn đo đạc 299 đến đo đất để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông thì có ông H là cha ruột của ông P (làm phó ban nhân dân ấp) có chứng kiến việc đo đạc ranh đất này. Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông H trước đây không có vị trí cống thoát nước như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P hiện nay. Ông G có lập thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất ở thửa đất 109n nhưng không biết lý do nào khi được cấp giấy thì được cấp phần đất có diện tích 1.328 m², thuộc thửa đất 107, tờ bản đồ 03, loại đất T, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện A, đã được UBND huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

00111 ngày 05/3/1994, phần đất này giáp với thửa 109 mà ông đang sử dụng. Phần đất ông G mua của bà B nằm giáp ranh với thửa 112, tờ bản đồ số 3, diện tích 7.000m², tọa lạc ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng, thuộc Giấy CNQSD đất số B 617004 cấp ngày 05/3/1994 do ông G đứng tên Giấy CNQSD đất. Lúc chuyển nhượng cho ông G thì bà B đã có Giấy CNQSD đất. Ông G chỉ sử dụng duy nhất cái nền nhà là phần đất mua của bà B, ngoài ra ông G không có sử dụng phần đất ruộng nào. Phần đất ông G mua của bà B thuộc thửa nào thì ông G không rõ.

Nay ông P cho rằng ông lấn chiếm đất giáp ranh tại thửa 110 của ông với diện tích là 135,5m², tại vị trí có cống thoát nước, ông không đồng ý. Để đảm bảo tình cảm cậu cháu, ông G đồng ý chia đôi phần đất đang tranh chấp để cả 02 người cùng sử dụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Mỹ A và ông Lê Văn V đều trình bày:

Hiện nay vợ chồng bà Anh và ông V đang cùng ông G canh tác trên phần đất của ông G, giáp ranh với thửa 110 của ông P. Phần đất vợ chồng ông bà canh tác thuộc quyền sử dụng của ông G nên tùy ông G quyết định, ông bà không có ý kiến.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn G trình bày:

Vợ chồng ông có mua đất của bà Trần Thị B với diện tích khoảng 300m² để cất nhà. Phần đất này giáp với đất của ông G ở Kinh 25 (Kinh BH), còn phần đất tranh chấp giữa ông P và ông G ở Kinh Chòm Dừa (Kinh SB). Phần đất của ông không có liên quan đến phần đất đang tranh chấp.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện A thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2017/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 đã quyết định:

- Áp dụng các Điều 26, 35, 147, 165, 228, 229, 244, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 166, 170, 179, 195 Luật đất đai năm 2013;
- Áp dụng Điều 175 Bộ luật dân sự 2015;
- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Áp dụng Điều 26 luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tô Văn P, buộc ông Hồ Văn G trả lại cho ông Tô Văn P một nửa phần đất tranh chấp có diện tích 135,5m²/2 = 67,75m², giáp ranh giữa thửa đất số 110 và thửa 109, các thửa đất thuộc tờ bản đồ 03, loại đất LUA, tọa lạc ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng theo Biên bản xem

xét thẩm định tại chỗ ngày 05/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện A, có tứ cận như sau:

Đông giáp đất ông Phạm Văn T, số đo 25,5m.

Tây giáp một nửa phần tranh chấp còn lại, số đo 25,5m.

Nam giáp đất bà Hồ Thị N (Tô Văn P), số đo 2,755m.

Bắc giáp đường đal, số đo 2,62m.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tô Văn P về việc yêu cầu ông Hồ Văn G trả lại phần đất tranh chấp có diện tích 67,75m², có số đo tứ cận:

Đông giáp phần đất đã buộc ông G trả cho ông Tô Văn P, có số đo 25,5m.

Tây giáp đất ông Hồ Văn G đang sử dụng (thửa 109) số đo 25,5m.

Nam giáp đất bà Hồ Thị N (Tô Văn P), số đo 2,755m.

Bắc giáp đường đal, số đo 2,62m.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí thẩm định, định giá và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02/10/2017 ông Tô Văn P kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 66/2017/DS-ST, ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông Hồ Văn G trả lại phần đất lấn chiếm (cống thoát nước) có diện tích 135,5m².

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Tô Văn P không rút đơn khởi kiện và thay đổi một phần nội dung đơn khởi kiện và đơn kháng cáo, ông P yêu cầu ông G trả 134, 64m² đất thửa đất số 110, thuộc tờ bản đồ 03, loại đất LUA, tọa lạc ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án, những người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật về tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Tô Văn P và áp dụng 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, các ông bà Hồ Thị Mỹ A và Lê Văn V có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[2] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Tô Văn P còn trong hạn luật định nên Hội đồng xét xử chấp nhận về hình thức.

[3] Việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn trong phạm vi xét xử phúc thẩm theo Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên có căn cứ chấp nhận.

* Về nội dung:

[4] Phần đất ông Hồ Văn G đang sử dụng thực tế thuộc thửa 109 tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất này ông G chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5] Nguồn gốc thửa 109, tờ bản đồ 03, tọa lạc ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng là của ông Tô Văn H. Do ông Hồ Văn G (em vợ của ông Tô Văn H) không có chỗ ở ổn định nên ông H có cho ông G một nền nhà ở phần đất phía trước và ông G đã về dựng căn nhà lá ở một phần trên thửa đất này. Còn phần đất phía sau là hơn 15.000m² đất ruộng của gia đình ông H đang canh tác và đang sử dụng đường nước hiện nay. Đường nước này có trước khi ông G về ở, đường nước này trước đây khai về sông lớn, lúc đó chiều ngang chỉ có 01m ông H sử dụng đường nước để phục vụ cho nước vô ra các thửa đất ruộng của ông ở phía sau. Sau khi có kênh SB thì ông H mới đặt bọng lớn và mở rộng đường nước để xả nước vô ra, thuận lợi cho nước vào ruộng để tưới tiêu. Điều này được cả nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Quá trình sử dụng đất ông Hồ Văn G có đăng ký quyền sử dụng đất nhưng ông được cấp quyền sử dụng đất tại thửa 107 chứ không phải thửa 109. Còn đường nước này ông P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 110.

[7] Do việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất của ông Hồ Văn G (cấp năm 1994) và ông Tô Văn P (cấp năm 2013) đang quản lý sử dụng chưa đúng hiện trạng thực tế nên tòa án không sử dụng các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên làm căn cứ giải quyết vụ án, mà giải quyết trên cơ sở hiện trạng thực tế và quá trình sử dụng đất.

[8] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Tô Văn P về việc yêu cầu ông Hồ Văn

G trả lại phần đất lấn chiếm (cống thoát nước) có diện tích 134,64m².

[9] Xét thấy, tại biên bản lấy lời khai của ông Phạm Văn T (bút lục 164) và các Biên bản lấy lời khai ngày 20/12/2017 tất cả những người làm chứng hiểu biết sự việc bao gồm bà Hồ Thị N (chị ruột của ông G), ông Tô Văn T, bà Trần Thị B (chị em cô cậu với ông G), ông Hồ Văn Q (em ruột của ông G), khi được Tòa án lấy lời khai và hỏi về nguồn gốc phần đất tranh chấp và quá trình sử dụng đất đều khai cùng nội dung là: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Tô Văn M (Mg), sau đó ông M cho lại con là Tô Văn H sử dụng. Sau khi ông H sử dụng thấy ông Hồ Văn G không có chỗ ở ổn định nên ông H mới cho ông G phần đất nền nhà cất nhà ở, còn đất phía sau vợ chồng ông H canh tác. Phần đất tranh chấp (đường nước) là do Tô Văn H là người đào và đặt ống bọng, do thời điểm đó nhà nào có đào đường nước thì ở xóm và các anh em khác cũng có lại phụ giúp nhau, trong đó do ông G đang ở trên phần đất do ông H cho nên cũng ra tiếp đào. Sau khi ông Tô Văn H chết thì ông Tô Văn P (con ruột của ông H) tiếp tục sử dụng đường nước này cho đến nay. Ông Hồ Văn G không có sử dụng đường nước (phần đất tranh chấp) này để tưới tiêu hay sử dụng đưa nước vào ruộng của ông G mà chỉ sử dụng đường nước này để nuôi vại con vịt và sử dụng nước, tưới **một ít cây mít, xoài cặp ranh** và sinh hoạt trong gia đình.

[10] Tại phiên tòa ông Hồ Văn G khai giữa ông và ông Phạm Văn T và bà Trần Thị B không có mâu thuẫn.

[11] Căn cứ vào Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện A và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đều thể hiện phần đất tranh chấp nằm ngoài phần đất mà của ông **Hồ Văn G** đang sử dụng để cất nhà và đường nước này nằm cặp cây mít và một số cây tạp của ông G. Ông G cho rằng phần đường nước này nằm trong phần đất ông H (ba của ông P) cho ông nên phát sinh tranh chấp. Tuy nhiên, quá trình xác minh, xem xét thẩm định tại chỗ thì đường nước này là đường dẫn nước duy nhất vào ruộng của gia đình ông P, đường nước này đã tồn tại trước năm 1975 trước khi ông H cho ông G nền nhà, tại thời điểm ông H cho ông G nền đất cất nhà thì ông H đang sử dụng đường nước này.

[12] Tại phiên tòa, ông Hồ Văn G cũng xác định là phần ruộng của ông đang sử dụng đường nước khác, hiện ông G sử dụng đường nước này chỉ nuôi vại con vịt bơi trên đó và sử dụng nước sinh hoạt, nên việc ông G cho rằng ông H cho ông luôn cả phần đường nước là không có căn cứ, trong khi đường nước này đóng vai trò quan trọng trong việc canh tác lúa của gia đình ông Tô Văn P, ông Hồ Văn G không sử dụng đường nước này vào việc tưới tiêu, thoát nước cho **ruộng lúa của ông**.

[13] Từ những chứng cứ nêu trên cho thấy, phần đất tranh chấp không phải là phần đất sử dụng chung của các bên dựa trên tập quán từ sau năm 1975 như cấp sơ thẩm đã nhận định, thực tế ông Hồ Văn G không có nhu cầu sử dụng đường nước

này mà người sử dụng chính là gia đình ông Tô Văn P.

[14] Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm mặc dù ông G đồng ý chia đôi đường nước này, tuy nhiên phần đất tranh chấp này không thuộc quyền sử dụng của ông G nên việc đồng ý này không làm phát sinh nghĩa vụ đối với các bên. Từ đó Hội đồng xét xử nhận thấy kháng cáo của ông Tô Văn P là có căn cứ được chấp nhận. Ngoài ra, khi xem xét, thẩm định tại chỗ thì nhận thấy tứ cận phần đất có sự thay đổi nên Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cho đúng thực tế.

[15] Do bản án sơ thẩm bị sửa nên án phí dân sự sơ thẩm và chi phí thẩm định giá được sửa lại cho phù hợp.

[16] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là ông Tô Văn P. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Xét đề nghị này là chưa phù hợp với quá trình sử dụng ổn định đường nước thực tế, nhu cầu sử dụng đường nước tưới tiêu của các bên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[17] Do kháng cáo của nguyên đơn Tô Văn P được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, do bản án sơ thẩm bị sửa nên Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng phải điều chỉnh án phí dân sự sơ thẩm và nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá cho đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1] Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn ông Tô Văn P.

[2] Sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm 66/2017/DS-ST ngày 21/9/2017 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

“1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tô Văn P, buộc ông Hồ Văn G trả lại cho ông Tô Văn P toàn bộ phần đất tranh chấp có diện tích thực tế 134,64m², thuộc một phần thửa đất số 110, tờ bản đồ 03, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng, phần đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Phạm Văn T, số đo 25,5m.
- Hướng Tây giáp đất của ông Hồ Văn G, số đo 25,5m.
- Hướng Nam giáp đất Tô Văn P (Hồ Thị N), số đo 5,51m.

- Hướng Bắc giáp đường đal, số đo 5,05m.

Toàn bộ các cây tự mọc trong phạm vi diện tích đường nước đều thuộc quyền sở hữu của ông Tô Văn P.

(có sơ đồ kèm theo)

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Văn G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Tô Văn P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí số 009330 ngày 22/02/2016 do Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ở giai đoạn sơ thẩm: Ông Hồ Văn G phải chịu 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm ngàn đồng) do ông Tô Văn P đã tạm ứng trước 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm ngàn đồng) nên ông Hồ Văn G có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Tô Văn P số tiền 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm ngàn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Tô Văn P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0009294 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

Quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hiệu lực Bản án phúc thẩm: Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký và đóng dấu)

Tăng Thị Thúy Nga